ISSN 2815 - 584X

BẢN TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

SỐ 04/2026

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐỔI MỚI – SÁNG TẠO – CHUYỂN ĐỔI SỐ – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BẢN TIN
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

SỐ 04/2026



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHAN VĂN HIẾU
Phó Giám đốc
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện:

Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo
Địa chỉ: 118 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi;
Điện thoại: 0255.3837.568
Email công vụ: ttcds-skh@quangngai.gov.vn
website: https://skh.quangngai.gov.vn

☞ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH

1 Giới thiệu Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của luật công nghệ cao.
LƯƠNG NHƯ HOÀNG

2 Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2026 – 2030
NGUYỄN HỒNG PHONG

7 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.
LÊ CẨM

8 Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo.
MAI HÀ

11 Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, phải quản lý nghiêm ngặt.
ANH NGUYÊN

☞ NHỊP SỐNG KHOA HỌC

13 Triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW tại Quảng Ngãi: Động lực bứt phá từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
HOÀNG NGÂN

15 Quảng Ngãi công bố 5 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026.
HOÀNG NGÂN

17 Quảng ngãi đẩy mạnh triển khai đề án truyền thông về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình.
TRẦN ĐÌNH HOÀNG

☞ ỨNG DỤNG VÀ THỰC TIỄN

20 Từ thực tiễn cấp bách đến lời giải khoa học cho cây đảng sâm.
MỸ TÂM

23 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản lý chuỗi cung ứng: Giải pháp khoa học thực chiến cho doanh nghiệp Quảng Ngãi.
THÚY HỒNG

26 Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi.
CẨM HƯƠNG

29 Ứng dụng công nghệ phát triển nghề truyền thống gia đình.
THÚY VÂN

30 Khởi nghiệp từ tài nguyên bản địa: Cầu nối đưa đặc sản Ba Tơ vươn xa nhờ công nghệ số.
THÚY VÂN

GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH 260/2026/NĐ-CP NGÀY 30/6/2026 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG NGHỆ CAO

LƯƠNG NHƯ HOÀNG(*)



Nghị định 260/2026/NĐ-CP (ban hành ngày 30/6/2026) bao gồm 7 Chương, 47 Điều là văn bản pháp lý quan trọng hướng dẫn chi tiết Điều 11, Điều 12, Điều 15, khoản 4 Điều 21, Điều 22 của Luật Công nghệ cao về nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược; khu công nghệ cao nhằm cụ thể hóa chiến lược tự chủ công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo động lực bứt phá cho nền kinh tế số, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí phân loại doanh nghiệp minh bạch: Quy định chi tiết tiêu chí xác định doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, đặc biệt phân định rõ tiêu chí đối với Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 và Nhóm 2.

2. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp: Bổ sung các tiêu chí cụ thể và cơ chế ưu đãi đặc biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược.

3. Đẩy mạnh phân cấp thủ tục ☞

(*) Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Sở Khoa học và Công nghệ

hành chính: Quy định rõ trình tự, thủ tục công nhận, cơ chế hậu kiểm theo hướng tối ưu hóa nền tảng số; phân cấp thẩm quyền rõ ràng giữa Bộ Khoa học & Công nghệ và UBND cấp tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

4. Ưu đãi vượt trội cho R&D và Nhân lực: Hoàn thiện chính sách miễn/giảm thuế, hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng; miễn thuế TNCN cho nhân lực công nghệ cao và áp dụng cơ chế đặc thù trọng dụng Tổng công trình sư, chuyên gia xuất sắc.

5. Đột phá quy hoạch và phát triển Khu công nghệ cao: Quy định cụ thể điều kiện thành lập, mở rộng, cũng như các chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, phục vụ đời sống chuyên gia và người lao động.

Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, phát triển và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và hạ tầng số phục vụ quản lý nhà nước về công nghệ cao, công nghệ chiến lược; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Nghị định 260/2026/NĐ-CP của Chính phủ là hành lang pháp lý đồng bộ, quan trọng nhằm bứt phá phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Bằng việc kết hợp hài hòa giữa dòng vốn hỗ trợ, đòn bẩy thuế - lãi suất, cơ chế khoán sản phẩm và chính sách giữ chân nhân tài, Nghị định kỳ vọng sẽ tạo ra một làn sóng đầu tư dịch chuyển mạnh mẽ vào các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghệ chiến lược tại Việt Nam trong giai đoạn tới ■

QUẢNG NGÃI BAN HÀNH KẾ HOẠCH VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

NGUYỄN HỒNG PHONG(*)

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) đang trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia, ngày 06/8/2026, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 573/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch về KH,CN&ĐMST 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy đồng thời xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

(*)Phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề "Quản trị địa phương, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - động lực nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn mới"

Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả hoạt động KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021–2025. Trong giai đoạn này, tỉnh đã triển khai nhiều nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, khoa học xã hội và nhân văn; từng bước hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và phát triển tài sản trí tuệ. Những kết quả đạt được đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Trên cơ sở đó, Kế hoạch giai đoạn 2026–2030 xác định mục tiêu tổng quát là phát triển KH,CN&ĐMST trở thành động lực then chốt, nền tảng và thành tố cốt lõi thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Quảng Ngãi; hình thành các động lực tăng trưởng mới dựa trên công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "hai con số", nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương. Đồng thời, phấn đấu xây dựng Quảng Ngãi trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện đại,



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2026

tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học, đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp công nghệ có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Kế hoạch đề ra nhiều chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030. Trong đó, đáng chú ý là phấn đấu bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm của tỉnh cho phát triển KH,CN&ĐMST; nâng tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế lên từ 45% trở lên; phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có ít nhất 02 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng trong nước và quốc tế; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân 10%/năm; số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16–18%/năm; đưa Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thuộc nhóm 15/34 tỉnh, thành phố trong cả nước. Bên cạnh đó, tỉnh phấn đấu hình thành tối thiểu 02 trung tâm đổi mới sáng tạo, xây dựng 01 Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, IoT, 5G; hỗ trợ tối thiểu 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 30 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ; thu hút ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ lớn đầu tư nghiên cứu và sản xuất tại Quảng Ngãi; triển khai ít nhất 40 nhiệm vụ, chương trình KH,CN&ĐMST giải quyết "các bài toán lớn" của tỉnh.

Trên cơ sở các mục tiêu và chỉ tiêu

đã đề ra, Kế hoạch xác định 07 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nhằm tạo chuyển biến toàn diện trong hoạt động KH,CN&ĐMST của tỉnh.

Thứ nhất, **hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển KH,CN&ĐMST** theo hướng rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; xây dựng chính sách ưu đãi về tài chính, đầu tư và thu hút nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế đặt hàng gắn với yêu cầu thực tiễn, các "bài toán lớn" và công nghệ chiến lược của tỉnh; mở rộng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tăng cường hậu kiểm, lấy hiệu quả ứng dụng và tác động thực tiễn làm tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu.

Thứ hai, **huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước** theo hướng ưu tiên đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tăng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ, hình thành các quỹ và cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhằm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Thứ ba, **phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST** thông qua đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ; phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, nền tảng dùng chung phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) và các không gian hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ tư, **xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực KH,CN&ĐMST** có chất lượng cao thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ; tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học trong đào tạo, chuyển giao tri thức và phát triển nguồn nhân lực; đồng thời xây dựng đội ngũ doanh nhân đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Thứ năm, **nâng cao năng lực làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ chiến lược**, ưu tiên nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, vật liệu mới và

☞ các công nghệ có khả năng tạo ra động lực tăng trưởng mới; tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, kinh tế biển, logistics, du lịch, chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

Thứ sáu, **tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo**, lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Thứ bảy, **đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST** thông qua mở rộng hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong khu vực, các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước; tăng cường thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đầu tư nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ tại Quảng Ngãi; chủ động tham gia các mạng lưới hợp tác, chương trình nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của tỉnh trong vùng và cả nước.

Việc ban hành Kế hoạch về KH,CN&ĐMST 05 năm giai đoạn 2026–2030 thể hiện quyết tâm của tỉnh Quảng Ngãi trong việc cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về phát triển KH,CN&ĐMST, đồng thời xác lập rõ định hướng phát triển KH,CN&ĐMST trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là cơ sở để các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển KH,CN&ĐMST mà còn là tiền đề quan trọng để huy động các nguồn lực xã hội, thu hút doanh nghiệp công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Với quyết tâm chính trị cao cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học và đội ngũ trí thức, Kế hoạch được kỳ vọng sẽ tạo bước đột phá trong phát triển KH,CN&ĐMST, góp phần xây dựng Quảng Ngãi trở thành địa phương phát triển nhanh, hiện đại và bền vững trong giai đoạn 2026–2030 và những năm tiếp theo ■

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ

LÊ CẨM



Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-BCĐ ngày 02/07/2026 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Phạm vi và đối tượng áp dụng: Quy chế quy định tổ chức, nguyên tắc, trách nhiệm, chế độ làm việc, thông tin báo cáo, mối quan hệ phối hợp công tác và một số hoạt động khác của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (gọi tắt là Ban Chỉ đạo quốc gia). Quy chế áp dụng đối với Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các Ủy viên Ban Chỉ đạo quốc gia; Trưởng Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả các bộ, ngành, tỉnh, thành phố (gọi tắt là Ban Chỉ đạo bộ, ngành, địa phương); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan.

Nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia:

- Ban Chỉ đạo quốc gia hoạt động thường xuyên thông qua hoạt động của các thành viên và của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia (gọi tắt là Văn phòng Thường trực) trên cơ sở tuân thủ pháp luật hiện hành, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đề cao trách nhiệm cá nhân của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các Ủy viên và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành.

- Các Ủy viên Ban Chỉ đạo quốc gia chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả thuộc lĩnh vực của bộ, ngành mình và các nhiệm vụ ☞

☞ được Trưởng ban phân công.

- Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia sử dụng con dấu của bộ, ngành mình; Văn phòng Thường trực sử dụng con dấu riêng.

- Ban Chỉ đạo các bộ, ngành thành viên sử dụng con dấu của bộ, ngành mình; Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) hoặc Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố); các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh (thành phố) sử dụng con dấu của sở, ngành mình.

Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban, các Phó Trưởng ban điều hành, chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2014; Quyết định số 927/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2026; có Quy chế tổ chức và hoạt động riêng ■

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo

MAI HÀ

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 03/7/2026 về việc phê duyệt Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL) trong phạm vi cả nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Mục tiêu chung: Xây dựng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực TCĐLCL thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống, đồng bộ, hiện đại; đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước và mô hình chính quyền địa phương hai cấp, vận hành hạ tầng chất lượng quốc gia, hội nhập quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy xuất khẩu trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. ☞



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2026

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Hình thành mạng lưới cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đồng bộ, hiện đại; một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trọng điểm được đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa về chương trình, học liệu, đội ngũ giảng viên, chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nền tảng số.

- Đến năm 2028, hình thành bộ khung năng lực, khung tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng và hệ thống chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cốt lõi trong lĩnh vực TCĐLCL.

- Phấn đấu 100% công chức, viên chức, người lao động làm công tác quản lý nhà nước, xây dựng chính sách, thanh tra, kiểm tra, thực thi pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng khung năng lực và vị trí công việc gắn với quản trị rủi ro, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số; tập trung nâng cao năng lực nghiệp vụ cho khoảng 20.000 lượt công chức, viên chức và người lao động trong lĩnh vực TCĐLCL đến năm 2030 (trong đó bao gồm chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn hóa cho ít nhất 5.000 lượt công chức, viên chức, người lao động theo Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035, không tính trùng với chỉ tiêu của Đề án này).

- Hình thành, phát triển đội ngũ 1.500

☞ chuyên gia về lĩnh vực TCĐLCL có năng lực chuyên sâu về các thành phần của hạ tầng chất lượng quốc gia (bao gồm: đo lường, tiêu chuẩn hóa, công nhận và đánh giá sự phù hợp); trong đó đào tạo và thu hút được tối thiểu 300 chuyên gia lĩnh vực TCĐLCL đủ năng lực tham gia các hoạt động TCĐLCL trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế (chỉ tiêu 300 chuyên gia này thống nhất, không tính trùng với chỉ tiêu tương ứng tại Quyết định số 2542/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tích hợp nội dung đào tạo TCĐLCL trong các học phần, mô-đun hoặc chương trình đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực theo nhu cầu thực tiễn vào khoảng 50 trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc khối ngành kỹ thuật, công nghệ và kinh tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về TCĐLCL cho ít nhất 100.000 lượt nhân sự tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, ưu tiên các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, trong đó phấn đấu 80% người học đạt chuẩn khung năng lực.

Định hướng từ năm 2030 và những năm tiếp theo:

- Xây dựng và phát triển năng lực đội ngũ nhân lực TCĐLCL có trình độ tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới về vận hành hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Hoàn thiện hệ sinh thái đào tạo số thông minh, ứng dụng toàn diện trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới, công nghệ số phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Hướng tới công nhận rộng rãi năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân lực Việt Nam trong các hoạt động tiêu chuẩn hóa, đo lường và đánh giá sự phù hợp ở cấp khu vực và quốc tế.

Nhiệm vụ và giải pháp gồm: Hoàn thiện thể chế và cơ chế chính sách về đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực TCĐLCL. Xây dựng và chuẩn hóa khung năng lực và hệ thống chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng cho lĩnh vực TCĐLCL. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ chuyên gia, giảng viên nòng cốt. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng về TCĐLCL. Đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp về TCĐLCL gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh hoạt động đào tạo tại các trường đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng về TCĐLCL. Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng hiện đại, linh hoạt trên nền tảng số. Tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả phối hợp triển khai Đề án ■

DANH MỤC HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CÓ RỦI RO CAO, PHẢI QUẢN LÝ NGHIÊM NGẶT

ANH NGUYÊN



Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg về Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) có rủi ro cao trong 6 lĩnh vực gồm: Giáo dục, dân tộc và tôn giáo, y tế, ngân hàng, tố tụng và giao thông vận tải.

Theo đó, có 46 hệ thống AI được xếp vào nhóm rủi ro cao và phải đáp ứng yêu cầu quản lý nghiêm ngặt. Đây là những hệ thống có thể gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và an ninh quốc gia.

Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao được xác định được chia thành 6 lĩnh vực:

(1) Lĩnh vực giáo dục: Hệ thống trí tuệ nhân tạo cung cấp nội dung tự học theo chương trình giáo dục, có sử dụng các nguồn dữ liệu không kiểm soát; Hệ thống có sử dụng AI tự động kiểm tra, đánh giá kết quả, xếp hạng người học; Hệ thống có sử dụng AI để giám sát, phân tích hành vi người học.

(2) Lĩnh vực dân tộc và tôn giáo: Hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động chấm điểm, phân loại, xếp hạng hồ sơ để xác định đối tượng, địa bàn thụ hưởng chính sách dân tộc; Hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động xác thực và quyết định tính hợp lệ của thông tin liên quan đến dân tộc và tôn giáo; Hệ thống trí ☞

tuệ nhân tạo tự động quyết định chấp thuận hoặc từ chối hồ sơ đăng ký, gia hạn hoặc hủy bỏ các quyết định quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo...

(3) Lĩnh vực y tế: Hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phẫu thuật/rô-bốt phẫu thuật; Hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phẫu thuật/rô-bốt phẫu thuật (Hệ thống máy móc, thiết bị rô-bốt sử dụng trí tuệ nhân tạo điều khiển tự động).

(4) Lĩnh vực ngân hàng: Hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; Hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động quyết định cấp tín dụng.

(5) Lĩnh vực tố tụng: Hệ thống trí tuệ nhân tạo nhận dạng sinh trắc học diện rộng phục vụ giải quyết vụ án dân sự công ích.

(6) Lĩnh vực giao thông vận tải gồm 31 hệ thống như: Hệ thống trí tuệ nhân tạo điều khiển tự hành cấp độ cao trên phương tiện giao thông; Hệ thống trí tuệ nhân tạo điều khiển hoặc tự động vận hành tín hiệu, điều độ giao thông đường bộ và đường sắt; Hệ thống trí tuệ nhân tạo điều hành, kiểm soát vận hành công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật trọng yếu…

Hệ thống trí tuệ nhân tạo được xác định là có rủi ro cao khi có thể gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 9 Luật Trí tuệ nhân tạo và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 142/2026/NĐ-CP; đồng thời không thuộc trường hợp được loại trừ theo khoản 2 Điều 8 của Nghị định này.

Đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này đã được đưa vào hoạt động trước ngày 15/8/2026, nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo theo lộ trình sau:

- Trước ngày 01/9/2027 đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực y tế, giáo dục và tài chính.

- Trước ngày 01/3/2027 đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo thuộc các lĩnh vực còn lại trong Danh mục.

Trong thời hạn chuyển tiếp, các hệ thống trí tuệ nhân tạo nêu trên được phép tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hệ thống có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng và yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trí tuệ nhân tạo.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/08/2026 ■

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW TẠI QUẢNG NGÃI:

ĐỘNG LỰC BỨT PHÁ TỪ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

HOÀNG NGÂN

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CĐS) đang khẳng định vai trò là động lực quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và giải pháp đồng bộ. Đến nay, tỉnh ghi nhận nhiều kết quả toàn diện, tạo nền tảng vững chắc để phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.



Quảng Ngãi đặt trọng tâm xây dựng hệ thống dữ liệu số tập trung, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu

Hạ tầng số phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả chính quyền số

Xác định hạ tầng và dữ liệu là nền móng của quá trình chuyển đổi số, Quảng Ngãi đã tập trung nguồn lực đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; có 21.885 chứng thư số đang được sử dụng trong các cơ quan nhà nước. Hạ tầng mạng 5G phủ tới 90,7% khu vực trung tâm và vùng kinh tế trọng điểm, đạt 87% dân số.

Trung tâm Dữ liệu tỉnh hiện duy trì 115 máy chủ ảo, vận hành 32 hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối 54 ứng dụng với 44 dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Cổng dữ liệu mở của tỉnh cung cấp 259 bộ dữ liệu thuộc 15 lĩnh vực, cùng nhiều ứng dụng trí tuệ nhân tạo thử nghiệm nhằm hỗ trợ cán bộ xử lý công việc và phục vụ người dân.

Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST&CĐS và Đề án 06 đã tổ chức 17 phiên họp chuyên đề nhằm đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho các ngành y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính, tư pháp, công thương.

Sự phát triển của hạ tầng số đã tạo xung lực mạnh mẽ cho cải cách hành chính tại cơ sở. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến đạt 86,56%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 91,08%. Đặc biệt, ☞

☞ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình và không phụ thuộc địa giới hành chính. Trong lĩnh vực an sinh, tỉnh đã tích hợp 549.740 sổ sức khỏe điện tử, 342.628 giấy phép lái xe và hơn 2 triệu hồ sơ căn cước công dân.

Nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận tiện ích số, toàn tỉnh duy trì hoạt động tích cực cho 1.477 Tổ công nghệ số cộng đồng với 12.198 thành viên. Phong trào "Bình dân học vụ số" lan tỏa rộng khắp, thu hút hơn 411.000 lượt người tham gia học tập, nâng cao kỹ năng số, góp phần đưa chuyển đổi số đi sâu vào đời sống xã hội.

Thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cùng với phát triển chính quyền số, Quảng Ngãi xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn địa phương. Năm 2026, UBND tỉnh đã công bố 05 bài toán lớn tập trung vào các lĩnh vực chiến lược: xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội, phát triển đô thị thông minh, nông nghiệp số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và du lịch thông minh. Việc công bố các bài toán lớn giúp định hướng nghiên cứu và thu hút doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học cùng tham gia giải quyết.

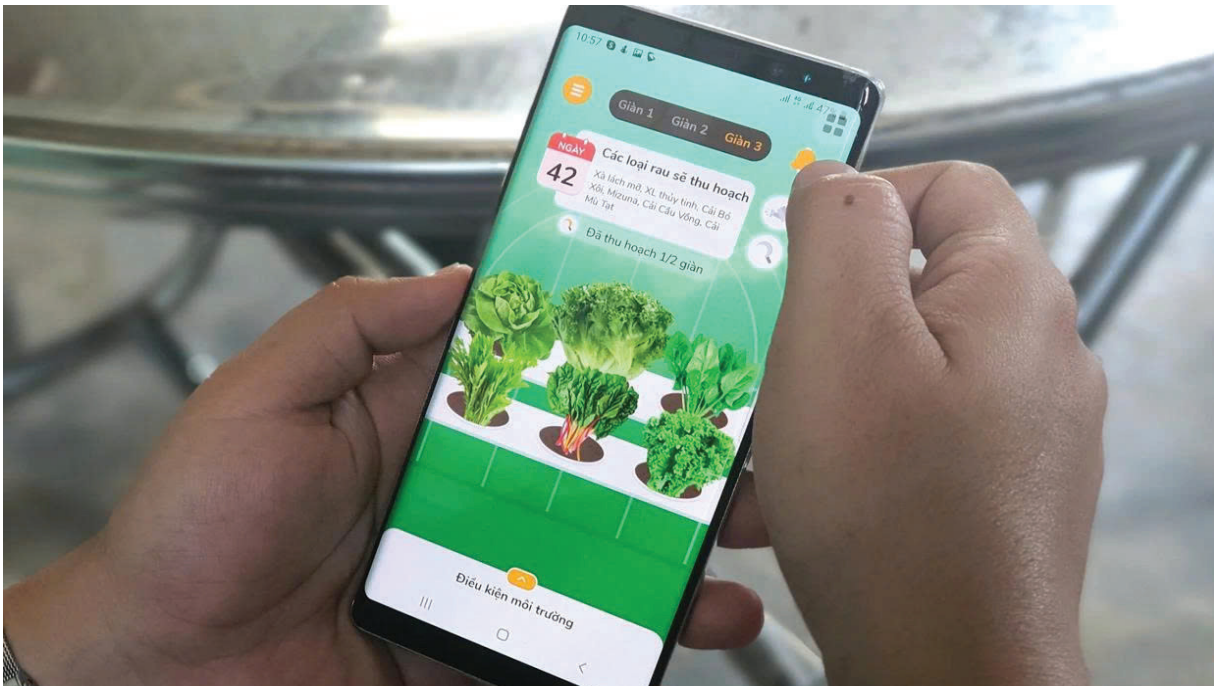
Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỉnh đã ký kết hợp tác giai đoạn 2026 – 2030 với 4 cơ sở đào tạo lớn: Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Tài chính – Marketing và Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và sở hữu trí tuệ.

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng bám sát yêu cầu phát triển thực tế. Quảng Ngãi đang triển khai 19 nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh và phê duyệt danh mục 26 nhiệm vụ mới thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo từng bước hình thành với 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ đang hoạt động, 33 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, 15 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Cùng với đó, đẩy mạnh các chương trình tư vấn, kết nối đầu tư, hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm, giúp chuyển hóa ý tưởng sáng tạo thành sản phẩm có giá trị thị trường.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã tạo nền tảng quan trọng để KHCN, ĐMST&CĐS từng bước trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, tỉnh xác định từ nay đến cuối năm cần tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, phát huy tối đa các nguồn lực. Với quyết tâm chính trị cao cùng sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức và người dân, tỉnh Quảng Ngãi có thêm động lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW, nâng cao năng lực quản trị, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững ■

QUẢNG NGÃI CÔNG BỐ 5 BÀI TOÁN LỚN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

HOÀNG NGÂN



Nông dân chủ động quản lý nông trại thông minh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm

Thực hiện Công văn số 873/BKHCN-CNCNTT ngày 16/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Công văn số 5593/UBND-KGVX ngày 14/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Sở Khoa học và Công nghệ chính thức công bố Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh năm 2026.

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu quản trị xã hội dựa trên dữ liệu (data-driven government), Quảng Ngãi đặt trọng tâm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung đồng bộ, thống nhất. Bài toán hướng tới việc tích hợp tối thiểu 80% dữ liệu các ngành, lĩnh vực trọng điểm như dân cư, doanh nghiệp, đất đai, tài chính, nông nghiệp, công nghiệp, đầu tư, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, giao thông, lao động – việc làm, môi trường… Hệ thống không chỉ kết nối liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) với các CSDL quốc gia mà còn cung cấp công cụ dashboard điều hành thông minh theo thời gian thực cho lãnh đạo tỉnh, đồng thời kết xuất thông tin sang Cổng dữ liệu mở phục vụ người dân ☞

☞ và doanh nghiệp khai thác.

2. Hệ thống quản lý hạ tầng kỹ thuật và thông tin Khu kinh tế Dung Quất trên nền tảng bản đồ số 2D, 3D

Để nâng cao năng lực quản lý tại vùng kinh tế trọng điểm Dung Quất, tỉnh triển khai số hóa 100% dữ liệu hạ tầng kỹ thuật trên nền tảng số 2D và 3D. Giải pháp công nghệ này giúp giám sát hiện trạng liên tục, tự động phát hiện và cảnh báo sớm các sự cố kỹ thuật, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ hành chính và tối ưu hóa chi phí vận hành, bảo trì hạ tầng, tạo cơ sở dữ liệu chuẩn hóa phục vụ thu hút đầu tư.

3. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát triển nông nghiệp xanh và bền vững

Trước yêu cầu hiện đại hóa nền kinh tế nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, bài toán tập trung ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, công nghệ sinh học và tự động hóa vào quy hoạch các vùng sản xuất tập trung (dược liệu, cây ăn quả, thủy sản, chăn nuôi…). Xây dựng hệ thống giám sát thu thập dữ liệu định lượng về thời tiết, thổ nhưỡng, dịch bệnh; kết nối mạng lưới logistics tối ưu; quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, phát triển sản phẩm OCOP và vận hành sàn thương mại điện tử nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho nông sản Quảng Ngãi.

4. Ứng dụng AI xây dựng CSDL các ngôn ngữ dân tộc thiểu số

Hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỉnh tập trung hình thành bộ CSDL tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số tích hợp AI tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, góp phần phục vụ đắc lực cho công tác giáo dục, truyền thông, bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời hỗ trợ giải quyết các chính sách an sinh xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng và thúc đẩy kinh tế số vùng sâu, vùng xa.

5. Ứng dụng Hệ sinh thái du lịch thông minh

Bài toán cuối cùng tập trung xây dựng CSDL số các điểm đến du lịch, di tích văn hóa – lịch sử, danh lam thắng cảnh và sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương. Tỉnh triển khai nền tảng du lịch thông minh tích hợp Trợ lý ảo AI đa ngôn ngữ để hỗ trợ tư vấn lịch trình cá nhân hóa, kết hợp công nghệ thực tế ảo VR360 trên bản đồ số. Hệ thống vừa gia tăng trải nghiệm trực quan cho du khách vừa khai thác đồng bộ với bản đồ số và dữ liệu du lịch.

Đây là bước đi quan trọng nhằm chủ động huy động nguồn lực trí tuệ và công nghệ từ cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số. Giải quyết 5 bài toán chiến lược này góp phần tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng, dữ liệu và quản trị, tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ■

QUẢNG NGÃI ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TRUYỀN THÔNG VỀ PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VÌ MỤC ĐÍCH HÒA BÌNH

TRẦN ĐÌNH HOÀNG(*)



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định mới về lĩnh vực năng lượng nguyên tử

Trong bối cảnh khoa học và công nghệ ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đang được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như y tế, công nghiệp, nông nghiệp, bảo vệ môi trường và nghiên cứu khoa học. Việc nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, lợi ích cũng như bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân được xem là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo sự đồng thuận xã hội và thúc đẩy ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hạt nhân trong đời sống.

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Thông tin, tuyên truyền về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2035", UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 03/4/2026 về triển khai thực hiện Đề án truyền thông về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình trên địa bàn tỉnh.

(*) Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Sở Khoa học và Công nghệ

☞ Theo Kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi được giao là cơ quan chủ trì, giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu và tổ chức triển khai toàn diện các hoạt động truyền thông của Đề án trên phạm vi toàn tỉnh.

Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông đồng bộ, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, an toàn bức xạ và an ninh hạt nhân.

Đồng thời, Sở sẽ chủ trì biên soạn bộ tài liệu tuyên truyền, xây dựng bộ câu hỏi - đáp dùng chung; tổ chức hội nghị phổ biến kiến thức, tập huấn nghiệp vụ truyền thông cho cán bộ đầu mối tại các sở, ngành và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trên toàn tỉnh.

Cùng với đó, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tăng cường cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử; chủ động phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình nhằm cung cấp nguồn thông tin chính thống, khoa học và dễ tiếp cận cho người dân và doanh nghiệp.

1. Đổi mới công tác truyền thông theo hướng chuyển đổi số

Để công tác truyền thông đạt hiệu quả, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tập trung đổi mới phương thức truyền thông theo hướng chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội, Cổng thông tin điện tử và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm lan tỏa thông tin chính thống nhanh chóng, hiệu quả và dễ tiếp cận đối với người dân.

Các nội dung truyền thông tập trung phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về năng lượng nguyên tử; tuyên truyền về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong y tế, nông nghiệp, công nghiệp, bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân và kỹ năng ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.

Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ đẩy mạnh xây dựng các sản phẩm truyền thông số như infographic, video ngắn, nội dung hỏi - đáp trực tuyến và tài liệu tuyên truyền điện tử phù hợp với xu hướng tiếp cận thông tin hiện nay, đặc biệt là đối với giới trẻ và người dân trên môi trường mạng.

Bên cạnh công tác truyền thông trên nền tảng số, hoạt động tuyên truyền cũng sẽ được lồng ghép với các sự kiện khoa học và công nghệ, ngày hội đổi mới sáng tạo, hội nghị chuyên ngành và hoạt động phổ biến kiến thức khoa học tại cộng đồng nhằm đưa thông tin

khoa học đến gần hơn với người dân.

Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tăng cường phối hợp theo dõi, nắm bắt dư luận xã hội liên quan đến lĩnh vực năng lượng nguyên tử; kịp thời cung cấp thông tin chính thống và tham mưu xử lý các thông tin sai lệch trên môi trường mạng nhằm góp phần định hướng nhận thức đúng đắn trong cộng đồng.

2. Nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, việc ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ tại Quảng Ngãi ngày càng được mở rộng và phát huy hiệu quả thiết thực trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là y tế.

Nhiều cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã đưa vào sử dụng các thiết bị chẩn đoán và điều trị hiện đại như máy X-quang, CT Scanner, X-quang tăng sáng truyền hình, máy đo loãng xương và các thiết bị bức xạ phục vụ điều trị bệnh. Các ứng dụng này góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hỗ trợ hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Bên cạnh đó, các ứng dụng trong kiểm định kỹ thuật, đo lường công nghiệp, nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường cũng từng bước phát huy hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Một trong những nội dung đáng chú ý của Kế hoạch là tăng cường tuyên truyền trong trường học nhằm giúp học sinh tiếp cận kiến thức cơ bản về năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, ứng dụng bức xạ và an toàn bức xạ thông qua các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ khoa học và mô hình trải nghiệm phù hợp với từng cấp học.

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, người dân sẽ hiểu rõ hơn về vai trò, lợi ích và tính an toàn của năng lượng nguyên tử trong đời sống; từ đó góp phần xóa bỏ tâm lý e ngại, nâng cao niềm tin đối với các ứng dụng khoa học và công nghệ hạt nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo phân công nhiệm vụ, các sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh sẽ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông; cung cấp thông tin, số liệu, mô hình ứng dụng phục vụ công tác tuyên truyền; đồng thời lồng ghép với các chương trình, kế hoạch liên quan nhằm bảo đảm hiệu quả, thiết thực và tiết kiệm.

Việc triển khai Đề án truyền thông về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình không chỉ góp phần nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của khoa học và công nghệ hạt nhân mà còn tạo sự đồng thuận trong nhân dân đối với các chủ trương phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử của Đảng và Nhà nước.

Thông qua vai trò nòng cốt của Sở Khoa học và Công nghệ trong công

tác tham mưu, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, các hoạt động truyền thông sẽ từng bước được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số hiện nay.

Với sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương cùng sự tham gia tích cực của cộng đồng, Quảng Ngãi hướng đến xây dựng nhận thức đúng đắn, khoa học về năng lượng nguyên tử; thúc đẩy ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hạt nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; đồng thời bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân và phát triển bền vững trong giai đoạn mới ■

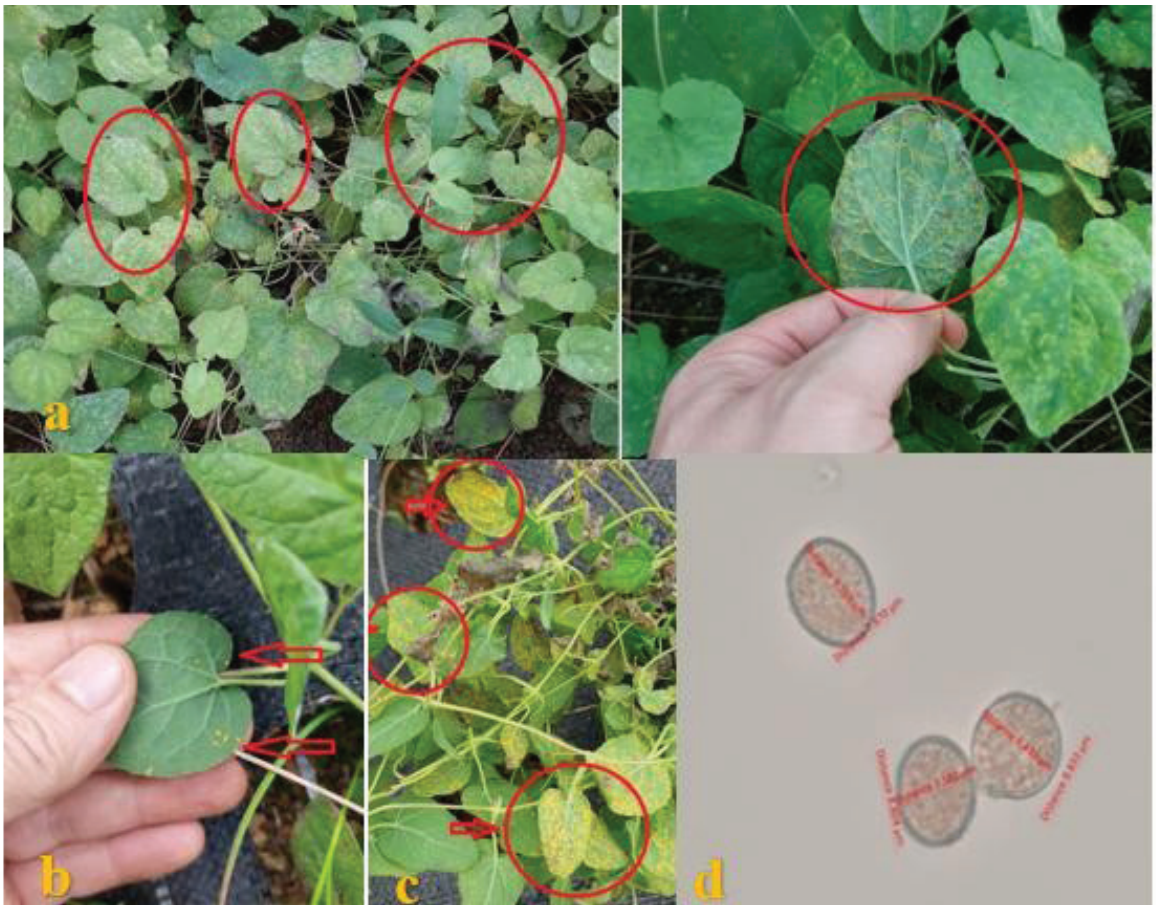
TỪ THỰC TIỄN CẤP BÁCH ĐẾN LỜI GIẢI KHOA HỌC CHO CÂY ĐẢNG SÂM

MỸ TÂM



Các loại sâu hại trên cây đảng sâm

Nằm trong vùng lõi của đại ngàn Đông Trường Sơn, xung quanh đỉnh Ngọc Linh huyền thoại, cây đảng sâm (sâm dây) từ lâu đã được ví như nguồn "vàng xanh" mang lại sinh kế, giúp nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Thế nhưng, khi quy mô sản xuất thâm canh được mở rộng theo hướng hàng hóa, người trồng sâm đã phải đối mặt với dịch hại đe dọa trực tiếp đến sự sinh tồn của vùng được



Bệnh gỉ sắt trên cây đảng sâm (Puccinia sp.)

liệu quý này.

Trước đòi hỏi bức thiết từ thực tiễn, đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh: "Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại trên cây đảng sâm (Codonopsis javanica (Blume) Hook.f.et. Thomson)" do Viện Bảo vệ thực vật chủ trì, TS. Bùi Văn Dũng làm chủ nhiệm, đã mang lại những giá trị toàn diện từ phòng thí nghiệm đến từng luống đất trồng của người dân.

Giải mã hệ dịch tễ bằng công nghệ hiện đại

Không dừng lại ở các quan sát cảm quan thông thường, nhóm nghiên cứu đã đưa công nghệ hiện đại vào tận các bản làng xa xôi để giải mã hệ dịch tễ của cây đảng sâm. Bằng phương pháp hình thái học kết hợp với sinh học phân tử (giải trình tự vùng gen ITS), nhóm đã định danh chính xác tác nhân gây bệnh và quy luật phát sinh của chúng: Phát hiện 16 loài sâu, tuyến trùng (định danh chính xác 10 loài) và 5 loại bệnh hại chính; trong đó, rệp muội bông (Aphis gossypii) là côn trùng gây hại nghiêm trọng nhất với tần suất xuất hiện 26–50%; đặc biệt, bệnh héo vàng do nấm Fusarium oxysporum được xác định là dịch bệnh nguy hiểm nhất với tần suất trên 50%

ở cả 3 huyện trọng điểm. Nghiên cứu chứng minh rệp muội bông bùng phát mạnh vào đầu mùa khô (tháng 2–5) khi trời ấm và giảm sâu vào mùa mưa do bị rửa trôi. Ngược lại, nấm bệnh héo vàng gia tăng từ tháng 4 và đạt đỉnh vào giữa tháng 7 khi lượng mưa và độ ẩm đất bão hòa. Ghi nhận 41 loài thiên địch, trong đó nhện lưới (Araneus sp.) có mật độ phong phú nhất, đóng vai trò quan trọng trong việc khống chế quần thể sâu hại. Xây dựng thành công bộ nhận diện trực quan gồm 30 ảnh sâu hại, 34 ảnh bệnh hại và 30 ảnh thiên địch; đây là cuốn "cẩm nang" vô giá giúp cán bộ nông nghiệp và nông dân nhận biết chính xác kẻ thù của vườn sâm để xử lý kịp thời.

Hiệu quả thực tế từ quy trình chuẩn GACP-WHO

Giá trị lớn nhất của một đề tài khoa học là sự chuyển hóa từ phòng thí nghiệm ra đồng ruộng. Quy trình kỹ thuật phòng trừ tổng hợp đạt chuẩn GACP-WHO do đề tài xây dựng đã được áp dụng thực tế tại xã Măng Ri (huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum cũ) nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi, mang lại những con số thuyết phục:

Hiệu quả phòng trừ vượt trội: Nhờ xử lý đất bằng phân chuồng hoai mục trộn chế phẩm nấm đối kháng Trichoderma (TRICÔ-ĐHCT) kết hợp phân vi sinh hữu cơ, mật độ bào tử nấm hại F. oxysporum và F. solani trong đất giảm mạnh (hiệu quả đạt lần lượt 75,07% và 76,29%). Hiệu quả diệt trừ rệp muội bông bằng thuốc thảo mộc đạt đến 86,37%.

Bứt phá về năng suất: Mô hình ứng dụng kỹ thuật mới cho năng suất củ tươi đạt 350,8 kg/1.000 m², tăng 40,15% so với mô hình canh tác truyền thống (250,5 kg/1.000 m²).

Thay đổi tư duy sản xuất: Qua 3 lớp tập huấn và hội thảo khoa học, những buổi hướng dẫn trực quan, sinh động theo phương thức "cầm tay chỉ việc" đã làm thay đổi thói quen lạm dụng thuốc hóa học của bà con, giúp họ tiếp cận tư duy nông nghiệp tử tế, an toàn và bền vững.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế, đề tài góp phần bảo vệ sinh thái. Thay vì sử dụng thuốc hóa học độc hại gây ô nhiễm nguồn nước, thoái hóa đất đai và để lại dư lượng trong dược liệu, quy trình mới ưu tiên 100% chế phẩm sinh học vi sinh và thảo mộc an toàn.

Việc ứng dụng nấm Trichoderma, vi khuẩn Streptomyces lydicus hay thảo mộc (bồ kết, hy thiêm, đơn buốt) giúp kiểm soát dịch hại mà không làm mất



Quang cảnh buổi nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại trên cây đảng sâm (Codonopsis javanica (Blume) Hook.f.et. Thomson)

cân bằng hệ vi sinh vùng rễ. Giải pháp này bảo vệ nguyên vẹn môi trường đất, nước và hệ sinh thái rừng Ngọc Linh, hoàn toàn phù hợp với chiến lược nông nghiệp xanh.

Ngày 08/5/2026, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đề tài với kết quả Đạt. Để thành quả nghiên cứu không chỉ nằm trên giấy, Hội đồng tư vấn và Sở Khoa học và Công nghệ đã thống nhất kiến nghị cần nhanh chóng chuyển giao quy trình kỹ thuật phòng trừ tổng hợp theo tiêu chuẩn GACP-WHO này đến các cơ quan thực tiễn tại địa phương để xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tế nhằm hỗ trợ người dân nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển cây đảng sâm theo hướng bền vững và hình thành chuỗi giá trị dược liệu có giá trị kinh tế cao ■

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG: GIẢI PHÁP KHOA HỌC THỰC CHIẾN CHO DOANH NGHIỆP QUẢNG NGÃI

THÚY HỒNG

Trong xu thế toàn cầu hóa và làn sóng chuyển đổi số mạnh mẽ, quản lý chuỗi cung ứng không còn là bài toán vận hành đơn thuần mà đã trở thành yếu tố sống còn quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhằm đồng hành và tạo bứt phá cho cộng đồng doanh nghiệp địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam tổ chức khóa tập huấn mang tính thực chiến cao: "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý chuỗi cung ứng". Chương trình thu hút khoảng 70 học viên là lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động của các doanh nghiệp, hợp tác xã tại địa bàn, đặc biệt là khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi.



Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Mai Thoan phát biểu khai mạc Khóa tập huấn

Từ hội nhập đến cuộc cách mạng tư duy quản trị

Phát biểu khai mạc, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Mai Thoan nhấn mạnh tính thiết thực của chương trình trước yêu cầu đổi mới phương thức quản lý trong bối cảnh cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt. Đối với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương, phương thức quản lý chuỗi cung ứng thủ công truyền thống đang dần bộc lộ nhiều hạn chế, gây lãng phí nguồn lực và giảm khả năng ứng phó trước các biến động bất ngờ của thị trường.

Khóa tập huấn chính là cầu nối giúp doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với các công cụ AI hiện đại. Thông qua đó, các đơn vị được hướng dẫn cách thay đổi căn bản tư duy quản trị: chuyển dịch từ phương thức làm việc thủ công, dựa vào kinh nghiệm sang quản lý khoa học dựa trên dữ liệu và công nghệ. Việc làm chủ các công cụ AI không chỉ giúp nâng cao hiệu quả điều hành, tiết giảm chi phí vận hành mà còn tối ưu hóa năng lực cạnh tranh để sẵn sàng bước vào sân chơi hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương trình thực tiễn và mang tính ứng dụng cao

Không dừng lại ở những lý thuyết hàn lâm, chương trình đào tạo được thiết kế đặc biệt hướng tới tính thực chiến và khả năng ứng dụng tức thì. Nội dung tập huấn tập trung sâu vào 5 chuyên đề trọng tâm, giải quyết toàn diện các mắt xích cốt lõi của một chuỗi cung ứng hiện đại, gồm:

(1) Tổng quan về AI trong quản lý chuỗi cung ứng: Giúp học viên nhận diện toàn cảnh về vai trò, tiềm năng và cách thức AI định hình lại dòng chảy vật chất và thông tin của doanh nghiệp;

(2) Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu sử dụng AI: Hướng dẫn doanh



Quang cảnh Khóa tập huấn "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý chuỗi cung ứng"

☞ nghiệp sử dụng các thuật toán phân tích dữ liệu để dự đoán chính xác nhu cầu thị trường, tránh tình trạng sản xuất thừa hoặc thiếu hụt hàng hóa;

(3) Tối ưu tồn kho và vận tải bằng AI: Đưa ra giải pháp cân bằng lượng hàng tồn kho an toàn và tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển nhằm tiết giảm chi phí logistics;

(4) Phân tích rủi ro và đánh giá nhà cung cấp bằng AI: Ứng dụng AI để phân tích dữ liệu lớn, nhận diện sớm các nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng và tự động hóa quy trình đánh giá đối tác;

(5) Triển khai AI trong doanh nghiệp - lộ trình và chiến lược: Định hình các bước đi cụ thể, giúp doanh nghiệp tự xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp với năng lực nội tại và quy mô của đơn vị mình.

Nội dung đào tạo kết hợp giữa lý thuyết với thực hành trực tiếp trên cơ sở phân tích thực trạng thực tế của từng đơn vị đã giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã dễ dàng tiếp thu, tháo gỡ trực tiếp các vướng mắc và áp dụng ngay công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế của đơn vị mình để tăng hiệu quả quản lý.

Hành lang pháp lý vững chắc cho đổi mới sáng tạo

Hoạt động tập huấn lần này không phải là một sự kiện đơn lẻ mà là một phần trong kế hoạch hành động chiến lược của tỉnh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng dựa trên nền tảng khoa học công nghệ. Chương trình được xây dựng dựa trên các căn cứ quy định pháp lý chặt chẽ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Định hướng quy định quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai nhiệm vụ nâng cao năng suất toàn diện theo Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh về tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

- Cụ thể hóa Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 23/3/2026 (thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 31/10/2025) của UBND tỉnh về thực hiện "Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030" trong năm 2026.

Sự thành công của khóa tập huấn là tín hiệu tích cực cho thấy tinh thần chủ động đón nhận công nghệ mới của các doanh nghiệp Quảng Ngãi. Việc ứng dụng AI vào chuỗi cung ứng không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng hoạt động mà còn đóng góp quan trọng vào bức tranh chuyển đổi số chung của toàn tỉnh. Đây chính là bệ phóng vững chắc giúp các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Quảng Ngãi khẳng định vị thế và vươn xa trên thị trường quốc tế ■

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH QUẢNG NGÃI

CẨM HƯƠNG



Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Lớp tập huấn kỹ năng viết bài báo khoa học và bài chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Thực hiện Đề án số 16-ĐA/TU của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về xây dựng Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi đạt các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1, giai đoạn 2022 - 2026, định hướng xây dựng đạt chuẩn mức 2 vào năm 2030 (gọi tắt là Đề án số 16), Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở "Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn góp phần xây dựng Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn năm 2026".

Mục tiêu tổng quát của đề tài là nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường cũng như tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện thành công các mục tiêu của Đề án xây dựng Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn.

Từ mục tiêu đặt ra, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường hướng đến việc đa dạng về hình thức thực hiện, chất lượng hoạt động ngày càng nâng lên. Hoạt động tổ chức hội thảo khoa học các cấp; hàng năm, Nhà trường tổ chức ít nhất 01 hội thảo khoa học cấp trường, nội dung các chủ đề hội thảo đa dạng, nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn; đối với Hội thảo khoa học cấp tỉnh, Nhà trường tổ chức 02 lần Hội thảo. Về xuất bản Thông tin lý luận và ☞

thực tiễn; năm 2023, số lượng xuất bản Thông tin lý luận và thực tiễn tăng lên 04 số/năm, Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch xuất bản Thông tin lý luận và thực tiễn, công tác xuất bản Thông tin lý luận và thực tiễn ngày càng được triển khai một cách khoa học và nề nếp hơn. Thông tin lý luận và thực tiễn của Trường là một trong những kênh thông tin quan trọng, hữu ích trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh- nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Bên cạnh đó, nội san đăng tải, chia sẻ các bài viết, nghiên cứu về những vấn đề lý luận và thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên; tiếp nhận, đăng tải những bài viết, nghiên cứu của học viên, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Nhà trường đã có nhiều giải pháp tăng cường, nâng cao chất lượng biên tập, xuất bản nội san.

Trường triển khai cho viên chức, giảng viên đăng ký sáng kiến kinh nghiệm và xét duyệt, công nhận sáng kiến kinh nghiệm cho các cá nhân triển khai trong năm. Kết quả là năm 2018 có 15 báo cáo sáng kiến, năm 2019 có 32 báo cáo sáng kiến, năm 2020 có 17 báo cáo sáng kiến, năm 2021 có 25 báo cáo sáng kiến, năm 2022 có 18 báo cáo sáng kiến, năm 2023 có 22 báo cáo sáng kiến được công nhận. Các sáng kiến được triển khai và ứng dụng hiệu quả cao trong các hoạt động của giảng viên, viên chức Trường.

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên, viên chức từ các khoa, phòng; bộ phận tham mưu về nghiên cứu khoa học tổng hợp và tham mưu công tác triển khai thẩm định các đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo đúng quy định. Các đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học sau khi được xét duyệt, thống nhất triển khai, chủ nhiệm và thành viên thực hiện nhiệm vụ tiến hành thực hiện các nội dung theo đúng tiến độ và nghiệm thu sản phẩm theo đúng quy định. Giai đoạn 2018-2023, Nhà trường triển khai thực hiện 01 đề tài khoa học cấp tỉnh; hàng năm đề xuất và triển khai thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở, trung bình có 2-5 đề tài được triển khai thực hiện. Năm 2023, Nhà trường có 3 đề tài khoa học cấp khoa và 2 đề tài khoa học cấp cơ sở được triển khai thực hiện, nghiệm thu hoàn thành từ nguồn kinh phí của Nhà trường. Chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do Nhà trường chủ trì, triển khai thực hiện đều được Hội đồng nghiệm thu đánh giá "Đạt" trở lên. Một số đề tài có tính ứng dụng, triển khai vào công tác quản lý, điều hành, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Nhìn chung, các đề tài khoa học nghiên cứu khi nghiệm thu được Hội đồng khoa học thông qua với kết quả và tính ứng dụng thực tế cao, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của địa phương và Nhà trường trên các lĩnh vực được nghiên cứu; đồng thời nâng cao kiến thức

☞ chuyên môn, phương pháp nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên, viên chức Nhà trường.

Hoạt động tổng kết thực tiễn của Trường được thực hiện gắn chặt với các hoạt động nghiên cứu khoa học khác, trong đó có hoạt động đi nghiên cứu thực tế. Hàng năm, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch hoạt động khoa học, trong đó có hoạt động nghiên cứu thực tế hằng năm; chỉ đạo các khoa, giảng viên không ngừng đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học; chỉ đạo các phòng chuyên môn, các khoa tham mưu các vấn đề nghiên cứu đảm bảo tính cấp thiết, phù hợp thực tiễn. Sản phẩm các hoạt động nghiên cứu thực tế cũng được định hướng chú trọng đến kết quả đầu ra, hướng đến mục đích đề xuất, kiến nghị, hoạch định, chủ trương, chính sách và hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương, cơ sở. Các vấn đề được lựa chọn để nghiên cứu thực tế đã bám sát thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách của Trung ương, địa phương tỉnh Quảng Ngãi, gắn với bất cập, hạn chế, tồn tại của thực tiễn đặt ra và phải giải quyết bằng chủ trương, chính sách, giải pháp. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động sơ kết, tổng kết, Trường đề xuất một số kiến nghị để cấp có thẩm quyền tổng hợp, thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo với cấp có thẩm quyền xem xét có kết luận chỉ đạo tiếp theo trong việc xây dựng và thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, đặc biệt là của địa phương.

Với kết quả đạt được, đề tài đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn tại Trường, đó là: Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các khoa, phòng chuyên môn trong quản lý, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, định hướng nội dung nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, quy định của Trung ương, của Tỉnh và tình hình thực tiễn của địa phương. Nâng cao năng lực đội ngũ viên chức tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, trực tiếp là đội ngũ giảng viên, viên chức tham mưu công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Tạo lập và quản lý nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại Trường. Thống nhất quy trình quản lý, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.

Kết quả của đề tài góp phần nâng cao trình độ tư duy lý luận, gắn lý luận với thực tiễn trong công tác giảng dạy của Nhà trường; qua đó, nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần xây dựng Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn năm 2026 ■

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH

THÚY VÂN



Các dòng sản phẩm nước mắm của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Mười Quý

Tiếp nối từ nghề gia truyền của gia đình, anh Đào Trọng Mười đã viết tiếp câu chuyện thương hiệu bằng tư duy đổi mới. Sau thời gian làm việc tại nước ngoài và với số vốn tích lũy, anh trở về quê hương với mục tiêu "hiện đại hóa" nghề làm mắm truyền thống để vừa đáp ứng thị trường lớn vừa để giữ nghề truyền thống lâu năm.

Trước đây, quy mô sản xuất của gia đình anh chỉ vỏn vẹn có 100 m^2 diện tích, sản lượng nước mắm đạt 10.000 lít/năm. Bước ngoặt đến vào năm 2018 khi Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Mười Quý chính thức thành lập. Từ quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, anh đã đầu tư hệ thống nhà xưởng 300m^2, nâng công suất chế biến lên 80 tấn nguyên liệu/năm. Bên cạnh đó, anh chú trọng đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất nước mắm như: máy chiết rót, dập nắp chai…

Từ những cơ sở đầu tư ban đầu có được cộng với những nỗ lực không ngừng của bản thân trong suốt nhiều năm liền, anh Mười đã phát triển sản phẩm nước mắm của Công ty lên tầm mới. Hiện Công ty đã có 8 dòng sản phẩm chính là nước mắm cá cơm, cốt hảo hạng, cốt thượng hạng, cốt đặc biệt, mắm nêm, mắm mực, mắm cái, nước mắm cho bé. Ngoài việc chú trọng trong đầu tư nhãn hiệu và bao bì cho sản phẩm được thiết kế đẹp mắt cũng như thực hiện đảm bảo quy định an toàn thực phẩm; bí quyết để làm nên thương hiệu Mười Quý là ở sự khắt khe trong chọn lọc nguyên liệu và tuân thủ phương pháp ủ chượp truyền thống, điều đặc biệt là nó còn gói trọn cả tâm huyết của người làm nghề trong đó. Chính những yếu tố đó mà các sản phẩm của Công ty được chứng nhận OCOP 4 sao, sản phẩm nông thôn tiêu biểu cấp Quốc gia, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; được người tiêu dùng ưa chuộng, tin tưởng sử dụng trong các bữa ăn của gia đình; giữ vững được thương hiệu trên thị trường cho đến ngày hôm nay và luôn "tự tin" để cạnh tranh với các sản phẩm nước mắm thương hiệu lớn.

Chia sẻ về kinh nghiệm xây dựng mô hình, anh Mười cho biết: "Tôi không chạy theo những thứ mới lạ xa vời, mà tập trung vào chính cái nghề làm mắm truyền thống của gia đình ☞



Anh Đào Trọng Mười kiểm tra từng giọt mắm được ủ từ thùng tô nô

và địa phương. Cái khó là làm sao vừa giữ được "hồn cốt" dân gian, vừa nâng tầm thành sản phẩm du lịch trải nghiệm".

Hơn nữa, để mở rộng sản xuất, kinh doanh và mang thương hiệu nước mắm Mười Quý đi xa hơn; Công ty đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng trong cũng như ngoài tỉnh và qua các kênh bán hàng đa dạng như siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch cũng như trên Facebook, Tiktok, shopee và website; đẩy mạnh livestream sản phẩm hàng tuần trên Facebook và Tiktok.

Kết quả của những nỗ lực là sản lượng nước mắm của Công ty cung cấp ra thị trường năm qua đạt khoảng 20.000 lít, góp phần giải quyết việc làm và đem lại thu nhập ổn định cho 5 lao động ở địa phương và 8 lao động mùa vụ.

"Nước mắm Mười Quý" là minh chứng sống động cho sức mạnh của công nghệ hiện đại "kết hợp" với nghề truyền thống đã giúp những giọt nước mắm vừa giữ trọn vẹn hương vị đặc trưng của quê hương vừa được nâng tầm giá trị và vươn xa ■

KHỞI NGHIỆP TỪ TÀI NGUYÊN BẢN ĐỊA: CẦU NỐI ĐƯA ĐẶC SẢN BA TƠ VƯƠN XA NHỜ CÔNG NGHỆ SỐ

THÚY VÂN

Tận dụng tiềm năng khí hậu và sự phong phú của hệ sinh thái thảo nguyên Bùi Hui, Hợp tác xã (HTX) Cao Muôn Ba Tơ do chị Phan Thị Quyến điều hành đã xây dựng mô hình kết hợp giữa du lịch trải nghiệm, bảo tồn văn hóa Hrê và thương mại hóa sản phẩm bản địa. Việc ứng dụng quy trình chế biến sâu kết hợp các giải pháp chuyển đổi số đã mở ra hướng đi hiệu quả, góp phần nâng cao giá trị nông sản và phát triển kinh tế bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Vùng cao Ba Tơ từ lâu đã nổi tiếng với khí hậu trong lành cùng hệ động thực vật phong phú dưới các cánh rừng tự nhiên. Tuy nhiên, trước đây, nguồn sản vật phong phú như sả rừng, ớt xiêm, mật ong hay gạo lúa rẫy chủ yếu được đồng bào dân tộc Hrê thu hái



Chị Phan Thị Quyến tích cực quảng bá các sản phẩm đặc trưng của HTX tại các chương trình, sự kiện nhằm tìm kiếm cơ hội kết nối đầu ra cho nông sản Ba Tơ

và tiêu thụ nhỏ lẻ, giá trị kinh tế mang lại chưa tương xứng. Xuất phát từ thực tế đó, chị Phan Thị Quyến đã thành lập HTX Cao Muôn Ba Tơ nhằm tập hợp, chế biến và nâng cao giá trị cho các mặt hàng nông sản địa phương.

Song song với hoạt động chế biến, từ năm 2018, chị Quyến tiên phong khai thác mô hình du lịch trải nghiệm tại thảo nguyên Bùi Hui. Việc kết hợp cho thuê lều trại, phục vụ ẩm thực truyền thống và tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa như đánh cồng chiêng, múa hát, trưng bày thổ cẩm Làng Teng đã tạo nên một hệ sinh thái du lịch độc đáo, kết nối trực tiếp du khách với văn hóa bản địa.

Để nâng cao chất lượng và uy tín sản phẩm, HTX Cao Muôn Ba Tơ đã đưa công nghệ đóng gói hiện đại như hút chân không đối với thịt trâu khô, chế biến sâu sản phẩm ớt xiêm tươi ngâm sả rừng. Hiện nay, mỗi tháng HTX thu mua khoảng 500 kg đặc sản các loại từ bà con nông dân. Nhiều mặt hàng của HTX đang từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn để đạt chứng nhận OCOP 3 sao của tỉnh Quảng Ngãi.

"Bà con hái sả rừng, ớt rừng về và tôi là người thu mua để kết hợp thành sản phẩm đặc trưng. Trong mỗi bữa ăn của khách đến thảo nguyên Bùi Hui, tôi đều giới thiệu cho khách dùng thử. Sau khi thưởng thức, du khách rất tin tưởng và đặt mua nhiều về làm quà", chị Phan Thị Quyến chia sẻ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số trong khâu tiêu thụ, HTX đã chủ động ứng dụng các giải pháp số. Thông qua việc tham gia



Hoạt động giao lưu, trải nghiệm văn hóa bản địa tại thảo nguyên Bùi Hui vừa góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa Hrê vừa đồng hành cải thiện sinh kế cho người dân địa phương

các khóa tập huấn về chuyển đổi số, thương mại điện tử, chị Quyến đã đưa hình ảnh Bùi Hui cùng các sản phẩm nông sản lên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo và các sàn thương mại điện tử như TikTok, Shopee. Sự chuyển dịch từ phương thức bán hàng truyền thống sang kênh trực tuyến đã mang lại hiệu quả rõ rệt, doanh thu của HTX tăng gấp đôi so với trước, đạt trung bình trên 100 triệu đồng/ tháng trong 3 năm gần đây.

Xác định ứng dụng khoa học, công nghệ là nền tảng cho sự phát triển dài hạn, HTX Cao Muôn Ba Tơ đặt mục tiêu tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và quảng bá sản phẩm. Trọng tâm trong thời gian tới là xây dựng website bán hàng riêng, tạo mã QR định danh cho từng sản phẩm du lịch và nông sản giúp khách hàng dễ dàng truy xuất nguồn gốc. Bên cạnh đó, HTX đang phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng bản đồ số giúp du khách di chuyển đến Bùi Hui thuận tiện hơn.

Mô hình của HTX Cao Muôn Ba Tơ là minh chứng cho việc ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào vận hành kinh tế tập thể và phát triển du lịch sinh thái. Sự kết hợp này không chỉ tạo thêm cơ hội sinh kế, cải thiện thu nhập cho bà con đồng bào Hrê mà còn góp phần quan trọng vào công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của vùng cao Quảng Ngãi ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO



UBND Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị "Kết nối nguồn lực thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2026"



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội thảo "Công nghệ, giải pháp chuyển đổi số và mô hình chuyển đổi số cấp xã"



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức trao giải Cuộc thi video Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2026



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2026



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026

TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, thực hiện cơ chế tự chủ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trung tâm có vị trí, chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: triển khai, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động sự nghiệp và cung cấp dịch vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật về thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin.









Trụ sở làm việc: Số 118, đường Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

0941.121.279 0255.3.718167 https://nuian.vn